

Số: 234/2024/QĐST-DS

Quận 11, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 279/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K; địa chỉ trụ sở: 40-42-44 đường PT, phường VV, thành phố RG, tỉnh KC; địa chỉ liên lạc: 242 đường Y, phường PC, thành phố TM, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Hữu K là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 158/2024/QĐ-NHKL ngày 16/01/2024).

Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1963 và bà Phan Thị Thúy N, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: 148/6D đường TH, Phường MB, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Ông Phan Thanh T và bà Phan Thị Thúy N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K số tiền nợ vay tính đến ngày 16/8/2024 tổng cộng là 2.177.679.578 đồng (Hai tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng), (trong đó nợ gốc là 1.741.677.000 đồng, lãi trong hạn: 384.351.546 đồng, lãi chậm trả: 27.525.867 đồng và lãi quá hạn: 24.125.165 đồng).

Phương thức trả cụ thể như sau:

- Ngày 16/10/2024 trả 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

- Ngày 31/12/2024 trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại tính đến ngày 16/8/2024 là 2.147.679.578 (Hai tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi tám) đồng.

Trường hợp ông Phan Thanh T và bà Phan Thị Thúy N không thực hiện đúng thỏa thuận trả tiền như trên ở bất kì giai đoạn nào thì Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc ông T và bà N trả hết số tiền còn nợ, trả một lần sau khi có Đơn thi hành án của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K.

Kể từ ngày 17/8/2024 ông Phan Thanh T và bà Phan Thị Thúy N còn phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn thiếu cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0103/20/HĐTD/0102-8251 ngày 10/8/2020 và Khế ước nhận nợ đã ký kết giữa Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K và ông Phan Thanh T, bà Phan Thị Thúy N tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Sau khi ông Phan Thanh T, bà Phan Thị Thúy N trả hết nợ, Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông T, bà N bản chính giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 268081, sổ vào sổ H00779/VP do UBND huyện Thuận An (Nay là Thành phố Thuận An) cấp ngày 26/01/2007 đối với thửa đất tọa lạc tại ấp TB, xã VP (nay là phường VP), thành phố TA, số thửa đất số 777, tờ bản đồ số D2 (DC9), diện tích 201 m² do ông Phan Anh T và bà Phan Thị Thúy N là chủ quyền sử dụng đất.

Nếu ông Phan Thanh T, bà Phan Thị Thúy N không thực hiện đúng thỏa thuận trả tiền như trên thì Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 777, tờ bản đồ số D2(DC9) tọa lạc tại ấp TB, xã VP (nay là phường VP), thành phố TA do ông Phan Thanh T và bà Phan Thị Thúy N đứng tên là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 268081 do Ủy ban nhân huyện Thuận An cấp ngày 26/01/2007.

Số tiền phát mãi tài sản sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc phát mãi sẽ được thanh toán và chi trả theo quy định pháp luật. Nếu sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng mà số tiền phát mãi đối với tài sản thế chấp còn dư thì sẽ được trả lại cho ông Phan Thanh T, bà Phan Thị Thúy N chủ sở hữu của tài sản thế chấp. Nếu số tiền phát mãi tài sản không đủ để trả nợ thì phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn lại.

b) Về án phí:

- Ông Phan Thanh T, bà Phan Thị Thúy N được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 do là người cao tuổi.

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K số tiền 34.234.176 đồng (Ba mươi bốn triệu hai trăm ba mươi bốn nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0021787 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng ông Phan Thanh T, bà Phan Thị Thúy N chịu. Do Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K đã tạm ứng số tiền trên nên ông Phan Thanh T,

bà Phan Thị Thúy N có nghĩa vụ hoàn trả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K.

d) Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Quận 11;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mỹ Duyên

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).